TỔNG CÔNG TY
TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số: B03- HN/TCTD
(Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc NHNN)

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III Năm 2010

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	1.143.459.536.530	628.826.331.548	2.778.778.244.771	1.780.033.199.119
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	1.025.155.734.309	612.593.377.222	2.791.787.234.050	1.726.967.413.937
I	**Thu nhập lãi thuần**		**118.303.802.221**	**16.232.954.326**	**(13.008.989.279)**	**53.065.785.182**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		70.837.311.385	29.311.163.689	163.040.346.631	65.218.448.945
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		4.139.758.936	2.409.214.824	8.445.991.935	9.166.121.622
II	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**	26	**66.697.552.449**	**26.901.948.865**	**154.594.354.696**	**56.052.327.323**
III	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	27	**14.525.473.017**	**34.434.877.575**	**17.285.655.462**	**77.241.454.615**
IV	**Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán**	28	**(224.599.724.355)**	**102.715.069.303**	**(510.884.331.988)**	**(355.967.135.205)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	29	434.030.837.714	439.486.766.662	1.666.184.251.793	1.720.730.364.420
6	Chi phí hoạt động khác		48.166.656.212	38.463.996.209	83.213.754.477	47.691.529.134
V	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác**		**385.864.181.502**	**401.022.770.453**	**1.582.970.497.316**	**1.673.038.835.286**
VI	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**		**27.402.803.908**	**35.276.389.641**	**181.413.732.661**	**116.074.016.183**
VII	**Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**		**(5.326.380.266)**	**6.631.815.792**	**(16.195.230.457)**	**11.635.962.046**
VIII	**Chi phí hoạt động**	30	**235.536.086.615**	**109.133.774.105**	**755.672.668.787**	**254.766.784.505**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**147.331.621.861**	**514.082.051.850**	**640.503.019.624**	**1.376.374.460.925**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**90.955.314.816**	**162.296.599.761**	**279.299.195.411**	**569.871.266.109**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**56.376.307.045**	**351.785.452.089**	**361.203.824.213**	**806.503.194.816**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	15.839.368.817	65.343.663.460	59.091.007.302	113.069.335.870
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	1.167.934.113	-	47.365.097.741
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**15.839.368.817**	**66.511.597.573**	**59.091.007.302**	**160.434.433.611**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**40.536.938.228**	**285.273.854.516**	**302.112.816.911**	**646.068.761.205**
XIV	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**		**11.379.394.172**	**(59.254.115)**	**23.786.916.294**	**(298.489.129)**
XV	**Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ**		**29.157.544.056**	**285.333.108.630**	**278.325.900.617**	**646.367.250.334**
XVI	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	33	**58**	**571**	**557**	**1.293**

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thị Thanh Huyền		

S.Đ.K.D: 0101057919 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI